TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 3 – H**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: **139**/2025/QĐST-HNGĐ	***H, ngày 07 tháng 08 năm 2025***

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212; Điều 213 và Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55; Điều 57; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng, án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc Hôn nhân gia đình thụ lý số 120/2025/TLST/VHNGĐ ngày 28 tháng 7 năm 2025, về Việc: *"Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, nuôi con, chia tài sản khi ly hôn"*, gồm những người tham gia tố tụng sau:

Người yêu cầu giải quyết Việc Hôn nhân và gia đình:

- Chị Đ, sinh năm 1986

Căn cước công dân số: 001186018878 do Cục trưởng CCSQLHC về TTXH cấp ngày 26/9/2022.

Nơi đăng ký thường trú: Tổ 7, phường H, thành phố H.

Nơi ở hiện nay: Số nhà 7, ngõ 165 đường G, phường H, thành phố H.

- Anh N, sinh năm 1981

Căn cước công dân số: 037081000076 do Cục trưởng CCSQLHC về TTXH cấp ngày 12/4/2021.

Nơi đăng ký thường trú: Tổ 7, phường H, thành phố H.

Nơi ở hiện nay: Số nhà 7, ngõ 165 đường G, phường H, thành phố H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Chị Đ và anh N kết hôn với nhau tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 03 tháng 01 năm 2014 tại UBND phường G, quận H, thành phố H (Nay là phường H, thành phố H). Anh chị chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, tính cách không hợp nhau. Do không khắc phục được mâu thuẫn nên anh chị nộp đơn yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn tại Tòa án nhân dân khu vực 3 – H. Tại biên bản hòa giải đoàn tụ không thành lập ngày 30 tháng 7 năm 2025, anh chị xác nhận tình cảm vợ chồng không còn, tiếp tục chung sống không có hạnh phúc nên thống nhất thỏa thuận thuận tình ly hôn. Đồng thời anh chị

cũng thống nhất thỏa thuận được việc giao người trực tiếp nuôi con chung, cấp dưỡng nuôi con, chia tài sản khi ly hôn và lệ phí giải quyết việc ly hôn.

Sự thỏa thuận của anh chị là tự nguyện, không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

Chị Đ và anh N.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về con chung: Chị Đ và anh N xác nhận có hai con chung là T, sinh ngày 05/9/2015 và P, sinh ngày 29/5/2017. Anh chị thỏa thuận giao cháu T cho chị Đ trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giao cháu P cho anh N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng kể từ khi ly hôn cho đến khi hai con chung trưởng thành (đủ 18 tuổi) hoặc cho đến khi có sự thay đổi khác về quyền nuôi con.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Đ và anh N tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Tòa án không xem xét.

Sau khi ly hôn, chị Đ và anh N có quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

2.2. Về tài sản chung (Bao gồm động sản và bất động sản): Chị Đ và anh N tự thỏa thuận, không yêu cầu Toà án giải quyết, nên Tòa án không xem xét.

2.3. Về công nợ chung: Chị Đ và anh N tự thỏa thuận, không yêu cầu Toà án giải quyết, nên Tòa án không xem xét.

2.4. Về lệ phí: Chị Đ tự nguyện chịu cả 300.000 *(Ba trăm nghìn đồng*) lệ phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 *(Ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng lệ phí đã nộp theo biên lai số 002138 ký hiệu BLTU/25E ngày 28/7/2025 của Phòng Thi hành án dân sự khu vực 3 – H.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Thẩm phán

Nguyễn Thị Lài

Nơi nhận:
- *Các đương sự;*
- *VKSND khu vực 3 – H;*
- *UBND phường G (nay là phường H), thành phố H (Đăng ký ngày 03/01/2014)*
- *Lưu hồ sơ vụ án./.*